

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 014/2023/CV-HG

Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2023

(V/v: *Đính chính thông tin tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia*)

Kính gửi: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và ban hành theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin đính chính thông tin cho người đọc tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

I. Thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023:

1. Đính chính thông tin tại Thuyết minh số 21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

1.1 Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 21

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

1.2 Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 21

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê 60.000m² đất tại KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú – Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

Lý do đính chính: Do lỗi soạn thảo văn bản, Công ty đã ghi “Công ty hiện đang thuê” thành “Công ty hiện đang cho thuê”.

2. Đính chính thông tin tại Thuyết minh số 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

2.1 Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 5

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

2.2 Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 5

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Top Tile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

II. Thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023:

1. Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 6

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

2. Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 6

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công ty TNHH Top Tile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 không thay đổi.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-42

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Xuân Hùng

Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPHG ngày 01/01/2023)

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 10 tháng 05 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		776.347.498.653	636.735.996.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	70.134.104.647	107.117.471.265
111	1. Tiền		70.134.104.647	107.117.471.265
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		383.526.262.752	238.714.641.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	232.905.800.645	224.099.305.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	119.004.453.267	3.026.728.344
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.616.008.840	11.588.607.228
140	IV. Hàng tồn kho	8	301.878.141.703	272.979.253.971
141	1. Hàng tồn kho		301.878.141.703	272.979.253.971
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.808.989.551	17.924.630.037
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11.094.717.406	14.182.862.066
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.714.272.145	3.741.767.971
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		375.440.701.333	247.922.254.327
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.016.284.250	5.236.100.400
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.016.284.250	5.236.100.400
220	II. Tài sản cố định		183.863.537.038	173.000.555.398
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	166.471.567.588	149.729.886.829
222	- Nguyên giá		522.969.270.163	478.188.680.695
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(356.497.702.575)	(328.458.793.866)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	17.253.047.315	23.038.616.835
225	- Nguyên giá		30.781.506.335	34.927.213.890
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.528.459.020)	(11.888.597.055)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	138.922.135	232.051.734
228	- Nguyên giá		565.248.000	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(426.325.865)	(333.196.266)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	10.324.028.935	35.242.918.651
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.324.028.935	35.242.918.651
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	99.184.757.818	26.340.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		95.684.757.818	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.840.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		77.052.093.292	8.102.679.878
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	77.052.093.292	8.102.679.878
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.151.788.199.986	884.658.250.687

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		677.062.352.770	482.098.703.901
310	I. Nợ ngắn hạn		665.796.993.215	470.453.238.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	135.368.181.015	147.323.815.464
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	58.453.770.534	28.274.508.281
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.721.119.616	13.203.529.250
314	4. Phải trả người lao động		16.620.720.254	13.593.242.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.810.655.460	2.244.023.632
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.134.152.644	6.564.353.720
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	423.067.653.531	258.629.025.868
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		11.265.359.555	11.645.464.975
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	10.265.359.555	11.645.464.975
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		474.725.847.216	402.559.546.786
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	474.725.847.216	402.559.546.786
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		360.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.725.847.216	42.559.546.786
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		42.559.546.786	204.406.095
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		72.166.300.430	42.355.140.691
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.151.788.199.986	884.658.250.687

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



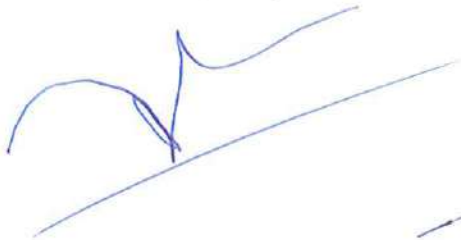
Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.398.395.592.825	1.097.078.277.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	1.603.999.915	3.509.703.117
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.396.791.592.910	1.093.568.574.359
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.141.262.727.565	916.481.899.795
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		255.528.865.345	177.086.674.564
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	5.046.400.640	421.554.737
22	7. Chi phí tài chính	26	32.166.935.018	15.103.984.538
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		25.887.038.455	19.652.187.687
25	8. Chi phí bán hàng	27	86.786.379.383	66.349.425.290
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	51.061.132.629	34.984.348.178
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.560.818.955	61.070.471.295
31	11. Thu nhập khác	29	76.550.601	196.508.930
32	12. Chi phí khác	30	539.116.592	6.607.580.109
40	13. Lợi nhuận khác		(462.565.991)	(6.411.071.179)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.098.252.964	54.659.400.116
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	17.931.952.534	12.304.259.425
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>72.166.300.430</u>	<u>42.355.140.691</u>



Nguyễn Minh Tấn
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

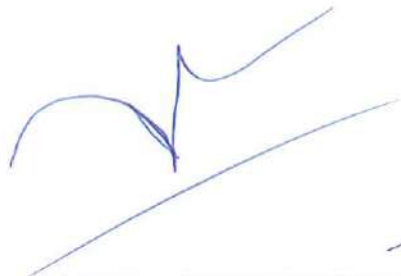
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		90.098.252.964	54.659.400.116
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		29.771.900.273	27.631.667.511
03	- Các khoản dự phòng		-	(6.937.530.803)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.313.761.513)	638.152.326
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.509.662)	(33.559.481)
06	- Chi phí lãi vay		25.887.038.455	19.652.187.687
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		144.272.920.517	95.610.317.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(152.798.833.426)	(20.004.803.552)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.898.887.732)	196.784.190.370
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		83.834.454.610	(299.114.601.476)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(65.861.268.754)	1.987.941.382
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.610.577.294)	(19.457.860.166)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.639.603.479)	(52.691.668.391)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(67.479.242.170)	(36.434.771.485)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(500.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.684.757.818)	(10.440.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.840.000.000	15.080.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		170.509.662	33.559.481
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(140.153.490.326)	(32.261.212.004)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	145.480.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		703.854.565.209	422.539.441.357
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(537.779.391.734)	(382.163.568.819)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(14.367.116.652)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		166.075.173.475	171.488.755.886

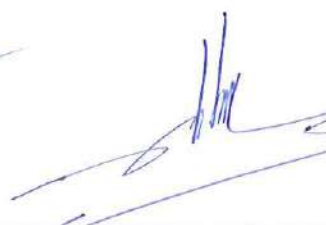
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(36.717.920.330)	86.535.875.491
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		107.117.471.265	20.493.531.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(265.446.288)	88.063.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>70.134.104.647</u>	<u>107.117.471.265</u>



Nguyễn Minh Tấn
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 360.000.000.000 VND; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 719 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 774 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2022, do thành công trong việc đẩy mạnh mở rộng thị trường và chuyển dịch cơ cấu kinh doanh sang các kênh phân phối bán lẻ nên quy mô doanh thu và tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty có sự tăng trưởng mạnh. Theo đó doanh thu của Công ty đã tăng 27,47% so với năm 2021 tương ứng tăng từ 1.097,1 tỷ VND lên 1.398,4 tỷ VND, đồng thời lợi nhuận gộp tăng từ mức 16,14% trong năm 2021 lên đến 18,12% trong năm 2022 tương ứng tăng từ 177,1 tỷ VND lên 255,5 tỷ VND, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận gộp là 44,3%.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con : Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	112.531.478	18.184.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.021.573.169	107.099.286.882
	<u>70.134.104.647</u>	<u>107.117.471.265</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Top Tile			38.688.203.216	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	34.112.912.579	-	38.906.164.273	-
Công ty Cổ phần Vinagres	17.137.700.062	-	22.436.761.830	-
Royal American Wholesale	15.011.128.291	-	24.158.241.062	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	2.411.561.102	-	1.064.738.346	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	6.180.291.277	-	6.069.125.450	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	5.166.603.849	-	2.702.347.952	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.267.338.933	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	6.274.622.670	-	333.524.747	-
	87.562.158.763	-	134.359.106.876	-
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-
	232.905.800.645	-	224.099.305.515	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (1)	9.197.304.313	-	-	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh (2)	20.000.000.000	-	-	-
	29.197.304.313	-	-	-
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc (3)	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần SX & ĐT Dịch Vụ Hoàng Quân (4)	20.000.000.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long (5)	10.967.400.000	-	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú (6)	10.795.849.973	-	-	-
Shenzhen Bigceri Trade Co., Ltd	-	-	1.096.483.953	-
Các đối tượng khác	18.043.898.981	-	1.930.244.391	-
	89.807.148.954	-	3.026.728.344	-
	119.004.453.267	-	3.026.728.344	-

(1) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh theo hợp đồng 01/BB&NG/CPHG-HGX/2023 ký ngày 15/12/2022. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh đã thực hiện bàn giao lượng hàng tương ứng cho Công ty.

(2) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh theo hợp đồng mua bán số 009/2022/HĐMB/HG-BSX ngày 26/09/2022 với tổng giá trị là 20 tỷ đồng. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh đã bàn giao lượng hàng tương ứng với giá trị 8,9 tỷ đồng cho Công ty. Giá trị còn lại 11,1 tỷ đồng đang được thực hiện bàn giao xong trong tháng 5/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(3) Khoản ứng tiền cho Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc theo hợp đồng xây dựng số 019/2022/HĐTC/HG-AP ngày 22/09/2022 nhằm thực hiện xây dựng nhà máy sản xuất gạch ốp lát tấm lớn 4.0 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai với tổng giá trị hợp đồng là 100 tỷ đồng, ứng trước 30 tỷ đồng. Tuy nhiên do gặp khó khăn trong quá trình xin giấy phép triển khai dự án mới nên Công ty có sự thay đổi chủ đầu tư dự án từ Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia sang Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Khang (công ty con). Theo đó Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Và Thiết kế Xây dựng An phúc và đã hoàn trả số tiền tạm ứng 20 tỷ đồng cho Công ty. Công ty và Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc tiếp tục ký hợp đồng xây dựng công trình phụ trợ số 006/2023/HĐTC/HG-AP ngày 06/01/2023 với tổng giá trị giao khoán là 20 tỷ đồng nhằm xây dựng công trình phụ trợ nhà xưởng (xây dựng mới, di dời kho liệu, cải tạo nhà kho thành phẩm, xây dựng hạ tầng xung quanh và sửa chữa một số hạng mục khác) và đã thực hiện triển khai xây dựng trong tháng 05/2023. 10 tỷ tiền tạm ứng còn lại được chuyển tiếp vào tiền tạm ứng của hợp đồng xây dựng mới này.

(4) Khoản ứng tiền cho Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2022/HG-HQ/HTKD ngày 20/09/2022 nhằm thực hiện dự án khai thác khoáng sản kết hợp trạm dừng nghỉ tại địa điểm Quốc lộ 14 Thị trấn Đăk Rve, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên đến thời điểm 26/12/2022 căn cứ báo cáo tình hình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình xin giấy phép đầu tư các Bên nhận thấy việc triển khai Dự án này không khả thi và không thể hoàn thành kịp tiến độ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó các bên chính thức thông nhất dừng thực hiện triển khai dự án này theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/HG-HQ/BBLHD ký ngày 13/01/2023. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân đã hoàn trả toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng.

(5) Khoản ứng tiền cho Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long gồm hợp đồng số 2012HDKT/HG-KL ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 6,9 tỷ đồng và hợp đồng số 1519HDKT/HG-KL ký ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa thay mới phân xưởng 1,2 nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 15 tỷ đồng. Cả 2 hợp đồng đều đã thực hiện xây dựng xong trong Quý I/2023.

(6) Khoản ứng tiền cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số 01.2022/HĐNT/ĐTP-HG ngày 05/12/2022 có giá trị 13,7 tỷ đồng. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú đã bàn giao lô máy móc thiết bị trong Quý I/2023.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Tạm ứng	-	-	61.727.273	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (*)	30.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.196.008.840	-	2.302.178.495	-
	31.616.008.840	-	11.588.607.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-
Ông Huỳnh Sơn Tùng (*)	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.804.701.460</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.104.797.882	-	2.236.153.884	-
Các đối tượng khác	511.210.958	-	547.751.884	-
	<u>1.616.008.840</u>	<u>-</u>	<u>2.783.905.768</u>	<u>-</u>
	<u>31.616.008.840</u>	<u>-</u>	<u>11.588.607.228</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ (**)	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-
	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>	<u>5.236.100.400</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-
	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>	<u>5.236.100.400</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(*) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP-HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ đồng.

(**) Trong kỳ, một số hợp đồng thuê tài chính hết hạn nên Công ty đã mua lại một số tài sản thuê tài chính dẫn đến số dư ký cược, ký quỹ dài hạn giảm.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.993.470	-	820.875.658	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.573.103.791	-	21.108.734.725	-
Công cụ, dụng cụ	20.471.313.583	-	22.185.856.931	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.216.780.353	-	18.443.659.258	-
Thành phẩm	264.620.279.492	-	208.169.289.527	-
Hàng hoá	254.432.455	-	-	-
Hàng gửi đi bán	733.238.559	-	2.250.837.872	-
	301.878.141.703	-	272.979.253.971	-

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp	-	35.242.918.651
- Thi công Máy ép gạch YP3609@Litai	813.430.001	-
- Thi công hệ thống tháp sấy phun (*)	9.510.598.934	-
	10.324.028.935	35.242.918.651

(*) Dự án hệ thống tháp sấy phun

- Địa điểm xây dựng: Bên trong nhà máy của Công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.
- Mục đích xây dựng: Sấy phun bằng hệ thống nước nhằm nâng cao công tác bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến công ty xung quanh.
- Tổng mức đầu tư: 10 tỷ VND.
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Bắt đầu từ 10/12/2022 và dự kiến thực hiện trong 90 ngày.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Đã xuất kho vật tư chính để thực hiện thi công dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	79.051.900.066	387.516.713.140	8.927.855.191	2.508.212.298	184.000.000	478.188.680.695
- Mua trong kỳ	-	-	-	178.545.455	-	178.545.455
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	480.000.000	35.945.699.151	70.010.000	333.472.727	2.960.270.035	39.789.451.913
- Mua lại tài sản thuế tài chính	-	1.706.592.100	3.106.000.000	-	-	4.812.592.100
Số dư cuối kỳ	79.531.900.066	425.169.004.391	12.103.865.191	3.020.230.480	3.144.270.035	522.969.270.163
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	75.586.764.795	245.490.094.915	5.353.172.040	1.967.428.790	61.333.326	328.458.793.866
- Khấu hao trong kỳ	305.279.944	24.842.025.484	1.237.002.089	229.042.705	117.075.667	26.730.425.889
- Mua lại tài sản thuế tài chính	-	350.799.487	957.683.333	-	-	1.308.482.820
Số dư cuối kỳ	75.892.044.739	270.682.919.886	7.547.857.462	2.196.471.495	178.408.993	356.497.702.575
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.465.135.271	142.026.618.225	3.574.683.151	540.783.508	122.666.674	149.729.886.829
Tại ngày cuối kỳ	3.639.855.327	154.486.084.505	4.556.007.729	823.758.985	2.965.861.042	166.471.567.588

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 144.428.614.564 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.093.723.730 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	31.821.213.890	3.106.000.000	34.927.213.890
- Thuê tài chính	-	666.884.545	666.884.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.706.592.100)	(3.106.000.000)	(4.812.592.100)
Số dư cuối kỳ	30.114.621.790	666.884.545	30.781.506.335
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.930.913.722	957.683.333	11.888.597.055
- Trích khấu hao	2.934.451.359	13.893.426	2.948.344.785
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(350.799.487)	(957.683.333)	(1.308.482.820)
Số dư cuối kỳ	13.514.565.594	13.893.426	13.528.459.020
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	20.890.300.168	2.148.316.667	23.038.616.835
Tại ngày cuối kỳ	16.600.056.196	652.991.119	17.253.047.315

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	565.248.000
Số dư cuối kỳ	565.248.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	333.196.266
- Khấu hao trong kỳ	93.129.599
Số dư cuối kỳ	426.325.865
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	232.051.734
Tại ngày cuối kỳ	138.922.135

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.094.717.406	14.182.862.066
	11.094.717.406	14.182.862.066
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.977.093.292	8.027.679.878
Chi phí thiết kế Website	75.000.000	75.000.000
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	59.000.000.000	-
	77.052.093.292	8.102.679.878

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu Royal với Công ty TNHH Top Tile. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng, giá trị thanh toán là 60 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Top Tile	-	-	1.907.811.600	1.907.811.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	3.993.233.136	3.993.233.136	412.897.000	412.897.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	850.508.466	850.508.466	377.583.402	377.583.402
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	-	-	10.701.471.412	10.701.471.412
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	7.155.560.624	7.155.560.624	3.310.664.006	3.310.664.006
	<u>11.999.302.226</u>	<u>11.999.302.226</u>	<u>16.710.427.420</u>	<u>16.710.427.420</u>
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	7.374.780.638	7.374.780.638	2.870.936.952	2.870.936.952
Công ty Cổ phần Frit Huế	5.149.396.440	5.149.396.440	5.737.795.659	5.737.795.659
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	4.598.956.725	4.598.956.725	22.116.792.058	22.116.792.058
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	5.019.570.651	5.019.570.651	2.615.245.906	2.615.245.906
Công ty Cổ phần Công nghệ HEXA GON	10.477.309.920	10.477.309.920	4.826.606.677	4.826.606.677
Phải trả nhà cung cấp khác	90.748.864.415	90.748.864.415	92.446.010.792	92.446.010.792
	<u>123.368.878.789</u>	<u>123.368.878.789</u>	<u>130.613.388.044</u>	<u>130.613.388.044</u>
	<u>135.368.181.015</u>	<u>135.368.181.015</u>	<u>147.323.815.464</u>	<u>147.323.815.464</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH VINAMEN	18.543.688.039	1.738.134.779
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	5.510.698.732	-
Công ty TNHH MTV Dũng Đài Loan	6.000.417.811	4.413.408.440
Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	6.155.494.183	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	1.693.844.498	3.207.568.212
Người mua trả tiền trước khác	20.549.627.271	18.915.396.850
	<u><u>58.453.770.534</u></u>	<u><u>28.274.508.281</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	115.541.122.136	115.541.122.136	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	1.356.477.901	1.356.477.901	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	12.304.259.425	17.931.952.534	17.577.411.400	-	-	-	-	-	12.638.800.559	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	899.269.825	3.388.467.276	3.225.984.545	-	-	-	-	-	1.061.752.556	-
Các loại thuế khác	-	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	1.848.536.851	1.847.970.350	-	-	-	-	-	-	566.501
	-	-	13.203.529.250	140.072.556.698	139.554.966.332	-	-	-	-	-	13.721.119.616	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	470.788.682	194.327.521
- Trích trước chi phí tiền điện	1.307.268.400	-
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	8.636.392.525	-
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	1.396.205.853	2.049.696.111
	<u><u>11.810.655.460</u></u>	<u><u>2.244.023.632</u></u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.386.174.466	5.218.262.994
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	747.978.178	1.346.090.726
	<u><u>6.134.152.644</u></u>	<u><u>6.564.353.720</u></u>

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	-
	<u><u>1.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	247.250.763.101	247.250.763.101	693.328.842.197	526.223.349.967	414.356.255.331	414.356.255.331
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	69.273.116.885	69.273.116.885	205.568.815.990	160.968.010.474	113.873.922.401	113.873.922.401
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-Chi nhánh Đồng Nai (2)	76.697.455.344	76.697.455.344	146.829.543.238	128.648.837.252	94.878.161.330	94.878.161.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (3)	56.219.463.347	56.219.463.347	114.586.069.788	82.937.265.015	87.868.268.120	87.868.268.120
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-Chi nhánh Vũng Tàu (4)	45.060.727.525	45.060.727.525	116.344.413.181	103.669.237.226	57.735.903.480	57.735.903.480
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai (5)	-	-	110.000.000.000	50.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	11.378.262.767	11.378.262.767	7.679.071.780	10.345.936.347	8.711.398.200	8.711.398.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (6)	180.000.000	180.000.000	170.000.000	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (7)	11.198.262.767	11.198.262.767	7.509.071.780	10.165.936.347	8.541.398.200	8.541.398.200
	258.629.025.868	258.629.025.868	701.007.913.977	536.569.286.314	423.067.653.531	423.067.653.531
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (6)	350.000.000	350.000.000	-	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	22.673.727.742	22.673.727.742	7.509.071.780	11.376.041.767	18.806.757.755	18.806.757.755
	23.023.727.742	23.023.727.742	7.509.071.780	11.556.041.767	18.976.757.755	18.976.757.755
	(11.378.262.767)	(11.378.262.767)	(7.679.071.780)	(10.345.936.347)	(8.711.398.200)	(8.711.398.200)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	11.645.464.975	11.645.464.975			10.265.359.555	10.265.359.555

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2022	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
06//2022- HĐCVHM/NHCT682- HOANGGIA	28/06/2022	150.000.000.000	113.873.922.401 VND	113.873.922.401	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp bao gồm MMTB, NCVKT, TSK khác với tổng giá trị còn lại là 103,6 tỷ đồng
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705	19/01/2022	96.000.000.000	58.899.450.650 VND và 1.514.255,50 USD	94.878.161.330	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 71 tỷ đồng
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2022/7856791/HĐT D	15/04/2022	100.000.000.000	41.668.421.240 VND và 1.944.438 USD	87.868.268.120	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp gồm các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với tổng giá trị 3,4 tỷ và tài sản gồm MMTB và PTVT với tổng giá trị 11,14 tỷ đồng
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.30353/2021/HĐH M-PN/PGBankVT	19/07/2021	60.000.000.000	55.399.867.800 VND và 98.318 USD	57.735.903.480	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 57,4 tỷ đồng
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2022050/HDTD/QLN	07/06/2022	60.000.000.000	60.000.000.000 VND	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(6) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
02/2018/7856791/HĐT D	27/11/2018	890.000.000	170.000.000	170.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh.
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201906034	02/07/2019	4.816.304.885	903.057.615	903.057.000	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%
SBL010201907002	08/07/2019	1.849.924.310	462.480.710	462.481.200	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21/05/2019	11.299.241.800	2.118.608.000	2.118.607.800	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,6%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	3.002.994.600	3.002.994.600	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Bảo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202009015	23/09/2020	2.275.673.400	1.125.601.050	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09/11/2020	3.588.315.500	2.242.697.300	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2.472.714.300	1.545.446.700	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	584.800.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	6.821.071.780		Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu kỳ trước	120.000.000.000	4.537.555.403	1.134.388.850	89.052.461.842	214.724.406.095		
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	42.355.140.691	42.355.140.691		
Điều chuyển vốn (*)	-	(4.537.555.403)	(1.134.388.850)	5.671.944.253	-		
Tặng vốn trong kỳ trước (*)	240.000.000.000	-	-	(94.520.000.000)	145.480.000.000		
Số dư cuối kỳ trước	360.000.000.000	-	-	42.559.546.786	402.559.546.786		
Số dư đầu kỳ này	360.000.000.000	-	-	42.559.546.786	402.559.546.786		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	72.166.300.430	72.166.300.430		
Số dư cuối kỳ này	360.000.000.000	-	-	114.725.847.216	474.725.847.216		

(*) Theo NQ ĐHĐCĐ số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2021, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021 sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi điều chuyển các quỹ là: 94.724.406.095 đồng, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2020: 89.052.461.842 đồng;

- Quỹ đầu tư phát triển được điều chuyển sang: 4.537.555.403 đồng;

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được điều chuyển sang: 1.134.388.850 đồng.

Theo NQ ĐHĐCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 94.520.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Ông Đình Việt Anh	93.600.000.000	129.600.000.000	26,00	129.600.000.000	36,00	
Bà Lê Thị Vi Na	88.740.000.000	16.740.000.000	24,65	16.740.000.000	4,65	
Bà Nguyễn Thị Lê	67.860.000.000	16.200.000.000	18,85	16.200.000.000	4,50	
Ông Huỳnh Quang Báo	16.200.000.000	16.200.000.000	4,50	16.200.000.000	4,50	
Ông Trương Văn Việt	3.600.000.000	18.000.000.000	1,00	18.000.000.000	5,00	
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	-	43.200.000.000	-	43.200.000.000	12,00	
Các cổ đông khác	90.000.000.000	120.060.000.000	25,00	120.060.000.000	33,35	
	360.000.000.000	360.000.000.000	100,00	360.000.000.000	100,00	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	360.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	240.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	36.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	556.260,34	75.053,73

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	90.755.153.796	81.791.729.362
Doanh thu bán thành phẩm	1.200.276.630.331	923.692.805.201
Doanh thu bán nguyên vật liệu	102.303.844.528	89.969.660.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.059.964.170	1.624.082.776
	<u>1.398.395.592.825</u>	<u>1.097.078.277.476</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

	<u>229.351.411.438</u>	<u>385.299.536.317</u>
--	------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.487.610.100	3.509.703.117
Hàng bán bị trả lại	16.657.613	-
Giảm giá hàng bán	99.732.202	-
	<u>1.603.999.915</u>	<u>3.509.703.117</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.286.892.416	73.996.804.260
Giá vốn của thành phẩm đã bán	955.577.073.988	755.573.636.350
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	100.797.788.845	85.333.264.603
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.600.972.316	1.472.192.886
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	106.001.696
	<u>1.141.262.727.565</u>	<u>916.481.899.795</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

<u>87.316.335.829</u>	<u>84.055.589.723</u>
-----------------------	-----------------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	170.509.662	33.559.481
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.549.446.651	387.995.256
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.313.761.513	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.682.814	-
	<u>5.046.400.640</u>	<u>421.554.737</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.887.038.455	19.652.187.687
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	416.512.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.966.476.398	1.334.663.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	638.152.326
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(6.937.530.803)
Chi phí tài chính khác	313.420.165	-
	<u>32.166.935.018</u>	<u>15.103.984.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.395.291.541	618.072.253
Chi phí nhân công	23.686.363.518	19.755.504.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.055.989	138.262.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.538.769.284	44.457.402.362
Chi phí khác bằng tiền	9.899.051	1.380.183.676
	86.786.379.383	66.349.425.290

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	878.557.040	756.547.325
Chi phí nhân công	30.497.390.602	19.509.380.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.276.087.134	1.215.224.504
Thuế, phí, lệ phí	4.020.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.280.734.938	13.198.673.859
Chi phí khác bằng tiền	124.342.915	300.522.410
	51.061.132.629	34.984.348.178

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Xử lý công nợ	73.570.601	196.508.930
Thu nhập khác	2.980.000	-
	76.550.601	196.508.930

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	537.146.870	6.382.745.204
Chi phí khác	1.969.722	224.834.905
	539.116.592	6.607.580.109

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.098.252.964	54.659.400.116
Các khoản điều chỉnh tăng	907.803.694	6.949.960.872
- Chi phí không hợp lệ	907.803.694	6.739.609.865
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	210.351.007
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.346.293.990)	(88.063.864)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(1.345.713.602)	(88.063.864)
- Điều chỉnh giảm khác	(580.388)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	89.659.762.668	61.521.297.124
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	17.931.952.534	12.304.259.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	12.304.259.425	8.496.852.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	12.658.800.559	12.304.259.425

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	783.129.669.898	553.381.140.699
Chi phí nhân công	172.948.469.241	124.925.323.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.771.900.273	27.631.667.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.093.333.208	123.093.574.989
Chi phí khác bằng tiền	788.697.443	1.987.087.394
	1.140.732.070.063	831.018.794.141

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	70.134.104.647	-	-	70.134.104.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.521.809.485	5.016.284.250	-	269.538.093.735
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	334.655.914.132	8.516.284.250	-	343.172.198.382
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	107.117.471.265	-	-	107.117.471.265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.687.912.743	5.236.100.400	-	240.924.013.143
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	342.805.384.008	5.736.100.400	-	348.541.484.408

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	423.067.653.531	10.265.359.555	-	433.333.013.086
Phải trả người bán, phải trả khác	141.502.333.659	-	-	141.502.333.659
Chi phí phải trả	11.810.655.460	-	-	11.810.655.460
	<u>576.380.642.650</u>	<u>10.265.359.555</u>	<u>-</u>	<u>586.646.002.205</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	258.629.025.868	11.645.464.975	-	270.274.490.843
Phải trả người bán, phải trả khác	153.888.169.184	-	-	153.888.169.184
Chi phí phải trả	2.244.023.632	-	-	2.244.023.632
	<u>414.761.218.684</u>	<u>11.645.464.975</u>	<u>-</u>	<u>426.406.683.659</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021, Công ty này không còn là bên liên quan trong năm 2022
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Có cùng nhiều cổ đông góp vốn
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung đến tháng 06/2022 là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021 và Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên đến tháng 12/2021
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Ông Đinh Việt Anh chủ tịch HĐQT là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang Ông Đinh Việt Anh Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Công ty con từ ngày 01/06/2022 Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán Thành viên Hội Đồng Quản Trị đến ngày 01/01/2022 Kiêm Tổng Giám đốc đến ngày 28/12/2021
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2022
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng đến ngày 01/01/2022
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ ngày 01/01/2022

Số dư với các bên liên quan được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh trên.

Ngoài các giao dịch được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh nêu trên, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	229.351.411.438	385.299.536.317
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022, năm 2022 Công ty này không còn là bên liên quan)		214.760.569.528
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	9.435.838.924	2.710.869.828
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	32.652.468.806	33.411.019.374
Công ty Cổ phần Vinagres	127.489.202.042	98.710.976.842
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	28.060.469.051	11.896.566.551
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	9.487.685.779	11.675.000.834
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.103.216.929	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	19.122.529.907	9.467.688.208
Royal American Wholesale	-	2.666.845.152

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mua hàng	87.316.335.829	84.055.589.723
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)	-	30.697.359.094
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	1.645.079.584	997.670.000
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	72.920.656.697	40.559.946.690
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	475.405.180	381.828.479
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	12.275.194.368	11.418.785.460


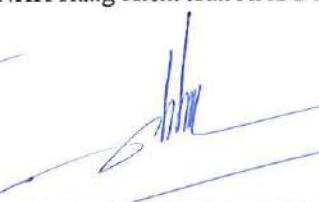

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán bổ nhiệm ngày 01/01/2022 (Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2022)	638.461.570	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	558.653.880	-
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 28/12/2021 và Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022	-	300.000.000
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	683.174.521	-
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	687.407.470	-
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	646.175.097	-
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022	-	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng bổ nhiệm ngày 01/01/2022	550.303.940	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY TNHH
HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Số: 010123.004/UQ.TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/3/2011;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã được Hội đồng Thành viên thông qua ngày 15/09/2021, Phụ lục sửa đổi lần thứ nhất ngày 31/12/2021 và Phụ lục sửa đổi lần thứ hai ngày 03/08/2022;

Căn cứ Quyết định số 171/2016/QĐ-AASC ngày 14/10/2016 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc;

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho việc giải quyết kịp thời hàng ngày các yêu cầu của khách hàng;

Tôi, **Nguyễn Thanh Tùng** - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,

Nay ủy quyền cho:


Ông Vũ Xuân Biên - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, đàm phán, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, Thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các Báo cáo kết quả dịch vụ Tư vấn, Tài chính, Kế toán, Thuế, Xác định giá trị doanh nghiệp, Thẩm định giá và Kiểm toán thuộc lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công.

Thời gian ủy quyền: Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Vũ Xuân Biên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng